

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ QUAN HỆ XUYÊN BIÊN GIỚI CỦA NGƯỜI HÀ NHÌ Ở HUYỆN BÁT XÁT, TỈNH LÀO CAI¹

TS. Hoàng Phương Mai

Viện Dân tộc học

Email: maihp.vass@gmail.com

Tóm tắt: Trong bối cảnh đặc thù vùng biên giới, người Hà Nhì ở huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai hiện nay đang đối mặt với nhiều biến động, trong đó quan hệ xuyên biên giới Việt Nam - Trung Quốc là một trong những nhân tố quan trọng tác động mạnh mẽ đến nhiều mặt đời sống của đồng bào. Thông qua tổng hợp số liệu thứ cấp và phân tích tài liệu thu thập từ nghiên cứu thực địa cho thấy, quan hệ xuyên biên giới được đặt ra như là nơi thể hiện các tương tác kinh tế, xã hội rất đa dạng của tộc người. Nội dung bài viết mong muốn làm rõ một số vấn đề về quan hệ xuyên biên giới của người Hà Nhì, trong đó tập trung vào các khía cạnh nổi bật là: quan hệ kinh tế, quan hệ hôn nhân và quan hệ họ hàng - thân tộc. Trước sự biến đổi của tình hình trong nước cũng như khu vực, đặc biệt là hệ quả do dịch bệnh Covid-19 gây ra, khiến cho các mối quan hệ xuyên biên giới với những điểm kết nối để tạo nên tương tác giữa cư dân hai nước hiện nay đang có xu hướng hạn chế nhất định.

Từ khóa: Quan hệ xuyên biên giới, người Hà Nhì, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

Abstract: In the specific context of the border areas, the Ha Nhi people in Bat Xat district, Lao Cai province are currently encountering many changes. The cross-border relationship in the border between Vietnam and China is one of the important factors which have a strong impact on the lives of the Ha Nhi people in all aspects. Through the analysis of secondary data and field studies, the results show that cross-border relations are shown as diverse socio-economic interactions of ethnic groups. This article aims to clarify several issues about the cross-border relations of the Ha Nhi people, in which the prominent aspects are: economic relations, marital relations, and kinship relations. In the face of changes in the situation in the country as well as in the region, especially the consequences caused by the Covid-19 epidemic, the cross-border relationships with its connection points to create interactions between residents of the two countries are currently experiencing restrictive trends.

Keywords: Cross-border relations, Ha Nhi people, Bat Xat district, Lao Cai province.

Ngày nhận bài: 28/6/2021; ngày gửi phản biện: 4/7/2021; ngày duyệt đăng: 13/8/2021.

¹ Bài viết là kết quả của đề tài cấp Bộ “Gia đình của người Hà Nhì và người Giáy ở vùng biên giới huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai hiện nay”, do Viện Dân tộc học chủ trì, TS. Hoàng Phương Mai làm chủ nhiệm (2021 - 2022).

Mở đầu

Việt Nam có đường biên giới trải dài giáp với Trung Quốc, trong vùng có nhiều dân tộc thiểu số (DTTS) với những nhóm ngôn ngữ khác nhau cư trú dọc hai bên đường biên. Lịch sử các tộc người này đã hình thành những mối quan hệ xuyên biên giới (QHXBG) trên nhiều lĩnh vực của đời sống. Từ khi Việt Nam tiến hành công cuộc Đổi mới năm 1986, nhất là sau khi cửa khẩu hai nước tái thông thương năm 1991, mối quan hệ này diễn ra những biến đổi khá sâu sắc. Học giả Trung Quốc Hoàng Quang Thành (2007) qua tổng kết nghiên cứu cho thấy, QHXBG thường biểu hiện trong một số hình thức như: *thân duyên* (quan hệ thân tộc, bạn bè); *địa duyên* (quan hệ láng giềng); *ngiệp duyên* (quan hệ nghề nghiệp); *vật duyên* (quan hệ làm ăn, buôn bán); *thần duyên* (quan hệ tôn giáo, tín ngưỡng); *ngữ duyên* (quan hệ ngôn ngữ); *chính duyên* (quan hệ chính trị) (dẫn theo Vương Xuân Tình, 2014). Đặt trong bối cảnh đặc thù của vùng biên giới nước ta, phần lớn các tộc người sinh sống ở địa bàn nghiên cứu đều chứa đựng các mối quan hệ kể trên.

Việt Nam là quốc gia đa dân tộc, QHXBG có vai trò rất quan trọng, ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa - chính trị và an ninh quốc phòng. Đặt trong bối cảnh toàn cầu hóa trước những biến động không ngừng của khu vực và trên thế giới, các DTTS ở biên giới luôn phải đối mặt với nhiều thách thức. Việc giao lưu, hội nhập, hợp tác trong phát triển kinh tế, kết giao hôn nhân, quan hệ họ hàng xuyên biên giới... khiến cho nhu cầu hiểu biết về vấn đề xuyên biên giới càng trở nên cấp thiết, cần được nghiên cứu sâu cả về lý thuyết và thực tiễn. Trong bài viết này, đối tượng lựa chọn nghiên cứu là dân tộc Hà Nhì ở thôn Choản Thèn, xã Y Tý, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai. Tại mỗi nước, người Hà Nhì đều sống tập trung và không xa đường biên, từ đó hình thành những mối quan hệ thăm thân, hôn nhân, hỗ trợ nhau trong đời sống tinh thần, hoạt động làm thuê, trao đổi hàng hóa,... Mục tiêu của bài viết là làm rõ một số vấn đề về QHXBG của người Hà Nhì tại điểm nghiên cứu, trong đó tập trung vào một vài khía cạnh như quan hệ kinh tế, quan hệ hôn nhân và họ hàng - thân tộc. Bài viết sử dụng phương pháp tổng quan tài liệu các công trình nghiên cứu đã xuất bản, phương pháp chuyên gia, tổng hợp và phân tích tư liệu thống kê các cấp xã, huyện, tỉnh,... Đặc biệt chú trọng phương pháp điền dã Dân tộc học được thực hiện trong quá trình triển khai nghiên cứu tại thực địa với các mẫu phỏng vấn sâu đa dạng về độ tuổi, giới tính, điều kiện kinh tế, nghề nghiệp, hoàn cảnh gia đình; thảo luận nhóm các đối tượng là lãnh đạo địa phương, đại diện các hộ gia đình có quan hệ liên/xuyên biên giới.

1. Giới thiệu về tộc người và địa bàn nghiên cứu

Người Hà Nhì ở Lào Cai thuộc nhóm Hà Nhì Đen, hay còn gọi là Hà Nhì Lô Mê (La Môn), cư trú tập trung ở huyện Bát Xát (4.509 người), trong đó chủ yếu tại các xã Y Tý (2.484 người), Nậm Pung (808 người), A Lù (547 người), Trịnh Tường (490 người), A Mú

Sung (102 người)²,... Người Hà Nhì có mặt ở Lào Cai tương đối muộn so với một số dân tộc khác. Tư liệu phỏng vấn sâu cho thấy, họ có mặt ở xã Y Tý khoảng gần 300 năm. Theo ông Sần Xe Lúy (62 tuổi) ở thôn Choản Thèn, tổ tiên của ông trước đây ở xã Ma Ngan Tý, huyện Kim Bình, tỉnh Vân Nam di cư đến Việt Nam được khoảng 6 - 7 đời. Điều này phù hợp với kết quả nghiên cứu của Dương Lục Kim (2007) khi cho rằng, người Hà Nhì đến định cư tại Việt Nam theo bốn con đường chính, trong đó nhóm Hà Nhì Đen đến tỉnh Lào Cai khởi nguồn từ Côn Minh => Kiến Thủy => Thạch Bình => Nguyên Giang => Hồng Hà => Nguyên Dương => Kim Bình => Bát Xát (Lào Cai, Việt Nam). Tuy không có những tư liệu được ghi chép lại, song thông qua các câu chuyện cổ, những truyền thuyết còn lưu giữ trong tâm thức của người Hà Nhì thì đoàn di cư đầu tiên có thể bắt đầu từ thời nhà Đường (năm 618 - 907 SCN), sau đó là các cuộc di cư kéo dài cho đến khi nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa được thành lập (1949).

Theo số liệu thống kê của xã Y Tý, người Hà Nhì tập trung tại một số thôn bản nhất định, mức độ đan xen với tộc người khác rất thấp (Bảng 1).

Bảng 1: Thống kê số lượng người dân tộc thiểu số trên địa bàn xã Y Tý, huyện Bát Xát³

Đơn vị: Người

Dân tộc Thôn	Mường	Nùng	Hmông	Dao	Giáy	Hà Nhì	Tổng
Phìn Hồ			419				419
Trung Chải			197				197
Phan Cán Sứ			334			45	379
Mò Phú Chải			41			484	525
Ngải Trồ			360		6		366
Tả Gi Thàng		3				255	258
Choản Thèn						309	309
Sim San 1				348			348
Sim San 2				355			355
Hồng Ngải	344					3	347
Lao Chải					5	710	715

² Bộ dữ liệu thống kê về dân tộc của huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai (tính đến 31/12/2020).

³ Số liệu chỉ thống kê những người có hộ khẩu tại địa bàn xã Y Tý, một số ít trường hợp người Thái và Kinh qua nghiên cứu thực địa cho thấy có sinh sống trên địa bàn nhưng chưa nhập hộ khẩu nên chưa được thống kê ở đây.

Sín Chải						678	678
Tổng	344	3	1.351	703	11	2.484	4.896

Nguồn: Ủy ban nhân dân xã Y Tý (2020)

Y Tý là xã biên giới, nơi có cặp cửa khẩu Y Tý (Việt Nam) - Ma Ngan Tý (Trung Quốc)⁴. Dựa vào bảng thống kê trên cho thấy, người Hà Nhì chiếm số lượng đông đảo so với các tộc người trên địa bàn xã. Trong các thôn người Hà Nhì tại xã Y Tý, tác giả chọn thôn Choản Thèn làm điểm nghiên cứu chính, vì đây là một trong những thôn có lịch sử lâu đời của xã này, được thành lập cách đây khoảng 300 năm, hiện có 57/59 hộ dân là người Hà Nhì Đen sinh sống, với tỷ lệ hộ nghèo là 5/59 hộ (chiếm 8,47%), cận nghèo 10/59 hộ (chiếm 16,95%) (UBND xã Y Tý, 2020). Thôn có nhiều cảnh quan đặc sắc (rừng già Y Tý, chợ phiên Y Tý, di tích danh thắng ruộng bậc thang quốc gia Thẻ Pả, cầu Thiên Sinh...). Người dân thôn Choản Thèn vẫn giữ được nhiều nét văn hóa truyền thống đặc trưng như nhà tường trình, nghề đan lát, trang phục, ẩm thực, lễ hội, trò chơi dân gian..., là tiềm năng trở thành điểm du lịch cộng đồng hấp dẫn. Vị trí địa lý của Choản Thèn một bên giáp với đường biên giới Việt - Trung, bên còn lại giáp với thôn Lao Chải - thôn có người Hà Nhì sinh sống đông nhất của xã Y Tý.

Xã Y Tý hiện nay đang thực hiện nhiều chính sách trọng điểm của huyện Bát Xát và tỉnh Lào Cai về phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội vùng biên giới. Huyện Bát Xát đã xây dựng và được UBND tỉnh Lào Cai thông qua triển khai *Đề án Phát triển du lịch gắn với bảo tồn phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc xã Y Tý giai đoạn 2020 - 2025*, trong đó nội dung cốt lõi là khôi phục không gian văn hóa dân tộc Hà Nhì tại thôn Choản Thèn, xã Y Tý. Thời điểm tác giả tiến hành khảo sát thực địa là cuối tháng 4 năm 2021, khi dịch bệnh Covid-19 có mặt ở Việt Nam hơn một năm và đã ảnh hưởng mạnh đến mọi mặt đời sống. Với người Hà Nhì ở thôn Choản Thèn, sự tác động rõ nét của đại dịch này thể hiện ở việc gián đoạn các mối quan hệ xuyên biên giới như: lao động làm thuê, thăm viếng họ hàng thân tộc xuyên biên giới, kể cả quan hệ tình cảm, hôn nhân,...

2. Quan hệ kinh tế xuyên biên giới

Kinh tế truyền thống của người Hà Nhì ở Bát Xát chủ yếu là trồng trọt với kỹ thuật canh tác ruộng bậc thang phát triển ở trình độ cao. Cuộc sống và lịch thời vụ của họ đã thích nghi với thời tiết khắc nghiệt, sự chênh lệch lớn về nhiệt độ giữa ngày - đêm và các mùa trong năm, nhất mùa đông thường có băng giá, nên người Hà Nhì chỉ canh tác được một vụ trên các thửa ruộng bậc thang.

⁴ Ma Ngan Tý tương đương với đơn vị cấp xã của Việt Nam, còn gọi là hương Mã Yên Đê (马鞍底) thuộc huyện Kim Bình, châu Hồng Hà, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc.

Sau năm 1991, khi biên giới Việt - Trung được tái thông thương, hoạt động trao đổi hàng hóa, buôn bán ở huyện Bát Xát nói chung và xã Y Tý nói riêng vẫn chưa phát triển do địa bàn cách xa cửa khẩu chính ngạch. Hoạt động kinh tế xuyên biên giới thời gian này thường có sự kết hợp với việc thăm thân, qua lại giữa những anh em họ hàng đồng tộc. Chỉ đến những năm 2000, quan hệ buôn bán, trao đổi hàng hóa giữa người Hà Nhì tại xã Y Tý với đồng tộc ở Ma Ngan Tý mới bắt đầu mở rộng và dần phát triển (Vương Xuân Tình và cộng sự, 2011).

Vì kinh tế gia đình chủ yếu dựa vào canh tác một vụ trên các thửa ruộng bậc thang, hoạt động chăn nuôi chưa phong phú, nghề thủ công ít phát triển, nên để tăng thêm thu nhập người Hà Nhì ở thôn Choản Thèn đã tham gia lao động làm thuê vào thời điểm nhân rỗi trong năm, và buôn bán nhỏ ở bên kia cửa khẩu trong những ngày chợ phiên. Do địa điểm làm thuê sát biên giới nên đa số người dân có thể đi về trong ngày. Chỉ một số ít đi làm sâu trong nội địa và dài ngày. Sau khi đăng ký với chính quyền địa phương để được cấp giấy thông hành⁵ có định danh và thời hạn, họ có thể qua lại và đi về trong ngày qua chốt cửa khẩu cầu Thiên Sinh. Nếu muốn đi vài tuần đến vài tháng, phải đăng ký tạm vắng tại công an xã và làm một số thủ tục khác, nên đa số người dân thường “đi chui” vì ngại thực hiện các thủ tục hành chính. Họ dùng giấy thông hành thông thường để đi qua trạm cửa khẩu rồi ở lại lâu dài bên kia biên giới, dưới hình thức lao động bất hợp pháp. Người Hà Nhì làm thuê xuyên biên giới chủ yếu là nam giới. Họ đi khá thường xuyên vào thời điểm nông nhàn⁶ với một số công việc như trồng và thu hoạch chuối, ngô, mía; một số khác làm thợ xây, phụ hồ cho các công trình xây dựng hoặc lao động tại xưởng sản xuất..., với thu nhập trung bình 200 - 300 nghìn đồng/ngày.

Theo bà Lý Giá Sơ, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã Y Tý, phụ nữ Hà Nhì có vai trò hơn trong sản xuất của hộ gia đình nên tỷ lệ phụ nữ tham gia lao động xuyên biên giới ít hơn so với các dân tộc khác. Họ thường mang nông sản của gia đình như thảo quả, tam thất, xuyên khung, một số loại rau quả thu hái được sang trao đổi tại các chợ phiên bên kia biên giới để mua về đồ dùng sinh hoạt, thực phẩm, phân bón, cây giống⁷. Thực tế cho thấy, quan

⁵ Theo Thông tư số 67/2013/TT-BCA của Bộ Công an ngày 11/12/2013, đối tượng được cấp giấy thông hành xuất, nhập cảnh khi có yêu cầu: là công dân Việt Nam thường trú tại các xã, phường, thị trấn tiếp giáp đường biên giới Việt Nam - Trung Quốc; cán bộ, công chức làm việc tại các cơ quan nhà nước có trụ sở đóng tại huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh của Việt Nam tiếp giáp đường biên giới Việt Nam - Trung Quốc; công dân Việt Nam sang công tác, du lịch tại các tỉnh, thành phố Trung Quốc giáp với Việt Nam. Thời hạn của giấy thông hành là 1 tháng, có giá trị nhập cảnh 1 lần và dùng đi về trong ngày, phạm vi di chuyển không được quá 15km tính từ cửa khẩu. Công dân Việt Nam đến các tỉnh giáp biên với mục đích thăm viếng, qua lại thường xuyên thì có thể xin cấp sổ thông hành nhiều lần với thời hạn 12 tháng. Theo biểu mức thu phí, lệ phí kèm theo Thông tư 219/2016/TT-BTC ngày 10/11 của Bộ Tài chính, lệ phí cấp giấy thông hành cho công dân Việt Nam cũng có nhiều mức, tùy thuộc nhu cầu đối tượng được cấp.

⁶ Lịch thời vụ của người Hà Nhì bên kia biên giới chênh lệch so với ở xã Y Tý khoảng hơn 1 tháng.

⁷ Đồng bào Hà Nhì cho rằng, giống lúa mùa bên Trung Quốc có năng suất tốt hơn nên đang rất được ưu chuộng. Việc lạm dụng phân bón hóa học của Trung Quốc cũng làm cho đất nhanh bị thoái hóa và một số tri thức địa phương trong canh tác như ủ phân gia súc và phân xanh để bón cho cây trồng đến nay ít được duy trì.

hệ kinh tế với bên kia biên giới của người Hà Nhì ở thôn Choản Thèn mới chỉ ở mức độ buôn bán nhỏ, những người phụ nữ bán sản phẩm do gia đình tự sản xuất hoặc thu hái được, và mua về vật dụng cần thiết cho gia đình. Đàn ông Hà Nhì làm thuê xuyên biên giới theo thời vụ, họ nhận lương theo ngày và khoản thu nhập ấy chỉ để trang trải cuộc sống gia đình, chưa có tích lũy nên đời sống của người Hà Nhì hiện vẫn khó khăn.

Dịch bệnh Covid-19 bùng phát vào cuối năm 2019, biên giới Việt - Trung là địa bàn bị tác động đầu tiên và khá nặng nề, sự ảnh hưởng này rất lớn tại các cửa khẩu trung tâm nơi hàng nghìn chuyến hàng ùn tắc, những người lao động bị mắc kẹt dài ngày, những tổn thất về kinh tế khắp cả nước và trên thế giới là điều khó có thể tránh khỏi. Tại Choản Thèn, người dân cũng tạm dừng mọi hoạt động làm thuê, thăm viếng họ hàng; không thể đi chợ biên giới để trao đổi, mua bán hàng hóa; cuộc sống sinh hoạt và thu nhập kinh tế hộ gia đình bị ảnh hưởng khá lớn.

Khi những hoạt động kinh tế xuyên biên giới bị ngưng trệ, chính quyền địa phương đã lập kế hoạch và triển khai một số biện pháp để đồng bào DTTS vùng biên giới có thể từng bước khắc phục khó khăn về kinh tế. Tỉnh Lào Cai đã triển khai một số biện pháp như: liên kết với các khu công nghiệp, nhà máy, xí nghiệp tại các tỉnh Quảng Ninh, Bắc Giang, Bắc Ninh, dự kiến sắp tới sẽ mở rộng đến Bình Dương, Đồng Nai... để tổ chức các phiên giao dịch việc làm, thu hút đồng bào DTTS tham gia vào thị trường lao động trong nước. Một lãnh đạo Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội huyện Bát Xát cho biết, huyện đang tích cực triển khai đào tạo lao động phổ thông, hết sức tạo điều kiện để đồng bào DTTS tiếp cận các khóa đào tạo nghề. Trong thời gian đào tạo ngắn hạn tới đây, số lao động này có thể đứng máy làm việc tại các khu công nghiệp, theo đó đồng bào Hà Nhì tùy vào trình độ và khả năng đến đâu sẽ lựa chọn công việc phù hợp đến đó. Theo thống kê của Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội huyện Bát Xát, tỷ lệ lao động đã qua đào tạo tính đến 3 tháng đầu năm 2021 đã lên đến 57%, từng năm huyện sẽ đưa ra đề án để phát triển tốt hơn nữa số lượng và chất lượng người lao động đã qua đào tạo. Tiếp đó, huyện sẽ đưa ra phương án đào tạo việc làm tại chỗ cho phụ nữ, như mở các lớp đan lát, thêu thùa, chế biến nông sản để xuất khẩu.

Một trong những điểm nổi bật tại huyện Bát Xát là thôn Choản Thèn, xã Y Tý được chọn làm thí điểm triển khai *Đề án Phát triển du lịch gắn với bảo tồn phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc xã Y Tý giai đoạn 2020 - 2025*, nhằm khôi phục không gian văn hóa dân tộc Hà Nhì. Kế hoạch của đề án là vận động từng hộ dân tham gia vào hoạt động du lịch, trên cơ sở đảm bảo đoàn kết toàn dân trong thôn để giữ gìn cảnh quan môi trường, cùng chính quyền xã và hợp tác xây dựng mỗi nhà có hố đốt rác mini, có hố phân chuồng bằng xi măng cho gia súc nhằm đảm bảo vệ sinh,... Để phát triển du lịch, việc xây dựng homestay làm nơi đón khách lưu trú là cần thiết, đi đầu của hoạt động này là 2 homestay của gia đình Bí thư thôn Choản Thèn và Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc xã Y Tý đã được xây dựng và đón nhiều lượt khách. Đến cuối năm 2020, *Nhà Du lịch cộng đồng* của thôn Choản Thèn được xây dựng với

sự giúp đỡ của dự án GREAT⁸ do Chi hội phụ nữ thôn tự quản. Với lợi thế cảnh đẹp của xã Y Tý và thôn Choản Thèn, đồng bào Hà Nhì hy vọng mô hình du lịch cộng đồng sẽ đem lại một số nguồn thu hữu ích cho kinh tế những hộ kinh doanh homestay khi nền du lịch được khởi động trở lại sau dịch Covid-19, những hộ không làm homestay cũng có thể bán được nông sản gồm lạc, đỗ, các loại rau đặc sản, cây thuốc, gia cầm, đồ uống đặc trưng như bia của người Hà Nhì..., và các hoạt động dịch vụ khác như dẫn khách tới các điểm tham quan, phục vụ ăn uống, biểu diễn văn nghệ,...

Bên cạnh đó, Bát Xát đã đưa ra những hướng phát triển kinh tế bền vững dựa vào đặc điểm địa phương, đó là tận dụng những khoảnh đất nương, đất ven rừng để trồng đậu hà lan, xuyên khung, đương quy,... Phòng Nông nghiệp huyện cũng hỗ trợ người dân phát triển trồng lê tai nung, thảo quả theo định hướng phát triển vừa phủ xanh đất trống đồi núi trọc, vừa phát triển vườn rừng hiệu quả đem lại thu nhập cho đồng bào các dân tộc vùng biên giới, kết hợp với hoạt động du lịch để quảng bá, tiêu thụ nông sản địa phương. Được sự quan tâm hỗ trợ của Nhà nước từ vốn đến kinh nghiệm sản xuất, kinh tế hộ gia đình cũng giảm bớt khó khăn hơn so với một vài thập kỷ trước.

Như vậy, khi các hoạt động kinh tế xuyên biên giới bị ngưng trệ, chính quyền địa phương và người dân đều nhanh chóng tìm những hướng đi mới nhằm khắc phục khó khăn. Theo lãnh đạo địa phương, để phát triển kinh tế bền vững thì phải hạn chế tối đa việc người dân lao động làm thuê trái phép xuyên biên giới, giúp các hộ gia đình ổn định cuộc sống tại quê nhà, tránh những rủi ro từ việc đi làm ăn xa mà không có sự bảo hộ của pháp luật, nhất là những trường hợp đi làm trái phép sâu trong nội địa Trung Quốc. Song, qua tư liệu phỏng vấn cho thấy, đồng bào Hà Nhì tại Choản Thèn vẫn mong muốn quay lại các hoạt động làm thuê xuyên biên giới khi hết dịch bệnh Covid-19 và an ninh biên giới cho phép. Vì thế, chính quyền địa phương tuy đã triển khai nhiều biện pháp giúp đồng bào phát triển sản xuất, làm giàu trên mảnh đất quê hương của mình một cách lâu dài, nhưng người dân cho rằng làm thuê trong nước thu nhập thấp lại đòi hỏi trình độ cao, không thể đi về trong ngày, phải xa gia đình. Việc truyền dạy nghề thủ công cũng không thực sự hiệu quả, đặc biệt thanh niên trong độ tuổi lao động không mặn mà với loại hình nghề nghiệp này. Kinh tế xuyên biên giới đã trở thành thói quen và người Hà Nhì nhận thấy phù hợp với nhu cầu việc làm, điều kiện sống vốn có của họ. Mô hình du lịch cộng đồng bắt đầu triển khai ở Y Tý, nhưng thực tế cho thấy người Hà Nhì vẫn còn rất bỡ ngỡ. Để du lịch thành công, liệu cảnh quan thiên nhiên, văn hóa vốn có của người Hà Nhì có được bảo tồn nguyên vẹn hay không cũng là một dấu hỏi lớn. Việc phá vỡ cảnh quan và nếp sống truyền thống của các DTTS đã biểu hiện ở Sa Pa

⁸ Dự án GREAT được thực hiện tại hai tỉnh Lào Cai và Sơn La. Mục tiêu là nâng cao năng lực cho phụ nữ địa phương, khuyến khích họ tham gia vào thị trường nông nghiệp và du lịch, tăng cường tiếng nói của phụ nữ trong việc đưa ra các quyết định kinh tế. Dự án hợp tác với nhiều đối tác ở khu vực tư nhân và phi chính phủ trong nông nghiệp và du lịch nhằm cải thiện môi trường chính sách, thúc đẩy tăng trưởng toàn diện và công bằng ở vùng Tây Bắc Việt Nam. Riêng Lào Cai, dự kiến sẽ hỗ trợ khoảng 20.000 phụ nữ tự kinh doanh cải thiện thu nhập và tạo ra khoảng 2.000 việc làm cho phụ nữ nhằm góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của tỉnh này.

của Lào Cai - khu du lịch được đầu tư phát triển, thu hút rất lớn lượng du khách trong và ngoài nước. Ở Y Tý với những khó khăn đặc thù chưa thể phát triển nhanh như Sa Pa, nhưng nếu công tác quy hoạch, định hướng phát triển không có hệ thống, thì khả năng vừa phá vỡ cảnh quan văn hóa dân tộc, vừa không hỗ trợ được đời sống cho đồng bào, là một hệ quả có thể xảy ra nên cần phải xem xét, tính toán chặt chẽ hơn. Đó là tầm nhìn xa, nhưng trước mắt thị trường du lịch Việt Nam và trên thế giới do ảnh hưởng của đại dịch cũng chưa thể khởi động trở lại, điều đó đồng nghĩa với hiệu quả của du lịch cộng đồng tại Y Tý thời gian gần đây cũng chưa thể đem lại các nguồn thu như mong đợi dành cho các hộ dân Hà Nhì.

3. Quan hệ hôn nhân xuyên biên giới

Người Hà Nhì, với địa bàn cư trú giáp biên giới, một trong những mối QHXXG nổi bật là quan hệ hôn nhân. Theo phong tục của người Hà Nhì, vấn đề hôn nhân, dựng vợ gả chồng cho con cháu là công việc hệ trọng. Trai gái đến tuổi trưởng thành được phép tự do tìm hiểu, nếu hợp với phong tục tộc người và được cha mẹ ưng ý thì lễ thành hôn cho đôi trẻ sẽ nhanh chóng được diễn ra. Người Hà Nhì mong muốn kết hôn với người đồng tộc, song đặc biệt nghiêm cấm việc nội hôn dòng họ, hôn nhân với dòng bên ngoại phải cách nhau 4 đời, nếu cùng họ nội phải cách ít nhất 5 đời. Do đó, kết hôn với người đồng tộc bên kia biên giới diễn ra khá phổ biến từ những năm 60 - 70 thế kỷ XX. Để thể hiện sự kính trọng anh/chị, việc hôn nhân trong gia đình phải bắt đầu từ người anh cả, chị cả trở đi sau đó mới đến các em. Vì vậy, tự do hôn nhân tuy được người Hà Nhì tôn trọng, song nếu người con đã đến tuổi trưởng thành mà chưa tìm được bạn đời ưng ý, thì cha mẹ hoặc những người lớn tuổi trong dòng họ sẽ đứng ra tìm người mai mối, xây dựng hạnh phúc cho con.

Ngày nay, hôn nhân của người Hà Nhì tuy vẫn giữ vững quan điểm cấm kết hôn anh em cùng dòng họ, cùng huyết thống, song có sự cởi mở hơn rất nhiều trong việc kết hôn với người khác tộc. Theo chị Chu Suy Bia (sinh năm 1993) là cán bộ phụ trách Chi hội phụ nữ thôn Choản Thèn, ở các thế hệ trước việc kết hôn với người dân tộc khác không có hoặc rất ít, nhưng từ những năm 1990 đến nay vấn đề này diễn ra phổ biến. Chỉ 5 năm trở lại đây, Choản Thèn đã có 9 người Hà Nhì kết hôn với người Kinh, 8 kết hôn với người Hmông, 6 với người Dao, 2 với người Giáy và 2 với người Thái. Thanh niên Hà Nhì hiện nay được đi học, đi làm ăn ngoài nơi cư trú nên hôn nhân khác tộc diễn ra ngày càng nhiều. Trong thôn có 01 trường hợp nam giới người Kinh (từ Nam Định), 01 nam giới người Thái (từ Yên Bái) đến Choản Thèn làm ăn rồi kết hôn với phụ nữ Hà Nhì và định cư tại đây.

Trước năm 1979, việc quản lý khu vực biên giới Việt - Trung còn khá lỏng lẻo, nhân dân hai nước rất dễ dàng qua lại đường biên, các vấn đề về hộ khẩu hộ tịch chưa chặt chẽ, do đó kết hôn của người dân hai nước cũng diễn ra thường xuyên. Phỏng vấn những người cao tuổi ở Choản Thèn cho thấy, sau chiến sự năm 1979, hôn nhân của người Hà Nhì trong thôn với người bên kia biên giới ngày một ít đi rõ rệt. Đến năm 1991, khi hai nước Việt Nam - Trung Quốc bình thường hóa quan hệ, kết hôn xuyên biên giới cũng có tăng lên, nhưng đó là

các trường hợp nhỏ lẻ, bởi lúc này vấn đề thủ tục đăng ký kết hôn, quản lý hộ khẩu đã chặt chẽ hơn trước. Trong khi đồng bào Hà Nhì rất ngại phải thực hiện các thủ tục pháp lý đó, nên thống kê của địa phương về số lượng người kết hôn có yếu tố nước ngoài tại địa bàn là không có hoặc rất ít. Theo Trưởng thôn Choản Thèn, từ năm 2018 đến nay, các cặp hôn nhân là người Việt Nam đều nghiêm túc đến chính quyền để đăng ký kết hôn, chỉ có 2 trường hợp hôn nhân với người nước ngoài là đồng tộc Hà Nhì đều không làm thủ tục này. Người dân cho rằng giấy tờ đăng ký kết hôn với người nước ngoài khá phức tạp, và phải nộp lệ phí cho các thủ tục hành chính và đi lại. Mặc dù về phía Việt Nam đã ban hành một số chính sách đặc thù về việc đăng ký kết hôn cho đồng bào DTTS vùng biên giới, nhưng vẫn gặp nhiều khó khăn từ phía Trung Quốc. Hệ quả của việc không đăng ký kết hôn với chính quyền, nếu chẳng may hôn nhân đổ vỡ thì người vợ - người Việt Nam sẽ trở lại nhà bố mẹ đẻ, nếu được mang theo con trở về nhưng do không có giấy tờ tùy thân và khai sinh cho đứa trẻ nên cả mẹ và con đều bị thiệt thòi, đặc biệt là khi tiếp cận với giáo dục, y tế, việc làm,... Tuy nhiên, trường hợp phổ biến là con cái thường bị nhà chồng bên Trung Quốc giữ lại, người phụ nữ trở về “tay trắng”. Số liệu từ Đề tài cấp Quốc gia *Hôn nhân xuyên biên giới với phát triển xã hội ở các tỉnh miền núi nước ta hiện nay* cho rằng, xu hướng kết hôn xuyên biên giới ở Việt Nam hiện nay có chiều hướng tăng cả về số lượng và đa dạng về tính chất (Đặng Thị Hoa và cộng sự, 2015). Song, nghiên cứu tại Choản Thèn năm 2021 cho thấy, bối cảnh phân tích ở trên đã thay đổi nhận thức của người Hà Nhì, từ quan điểm không muốn kết hôn với người khác tộc thay bằng xu hướng lựa chọn kết hôn với người khác tộc nhưng sinh sống trong nội địa Việt Nam diễn ra ngày càng nhiều hơn, chiều hướng kết hôn xuyên biên giới giảm đi rõ rệt tại địa bàn nghiên cứu này.

Nghiên cứu của Đặng Thị Hoa (2016) khẳng định, quan hệ hôn nhân xuyên biên giới giảm dần yếu tố đồng tộc và gia tăng yếu tố khác dân tộc. Trong các mối quan hệ văn hóa truyền thống, một số dân tộc cư trú gần biên giới kết hôn với đồng tộc của họ ở bên kia biên giới là hiện tượng vốn thường xảy ra. Tuy vậy, xu hướng kết hôn khác tộc ngày càng phổ biến hơn không chỉ giữa các tộc người cư trú ở khu vực biên giới mà cả các tộc người cư trú ở sâu trong nội địa như Thái, Khơ-mú, Mường (Thanh Hóa, Nghệ An). Một bộ phận không nhỏ các tộc người có chiều hướng kết hôn nhiều hơn với người Hán và các tộc người khác ở các tỉnh Vân Nam, Quảng Tây, thậm chí đi sâu vào nội địa một số địa phương khác của Trung Quốc. Dưới tác động gia tăng của toàn cầu hóa, xu hướng hôn nhân khác tộc là tất yếu, không chỉ ở Việt Nam mà còn ở nhiều quốc gia. Không nằm ngoài xu thế trên, kết quả nghiên cứu về người Hà Nhì ở Bát Xát cũng chỉ ra rằng, quan hệ hôn nhân xuyên biên giới giảm dần yếu tố đồng tộc và tăng yếu tố khác dân tộc. Qua tư liệu phỏng vấn những phụ nữ có độ tuổi 20 - 28 tại Choản Thèn cho thấy, tình huống gặp gỡ, quen biết những người bạn khác giới bên kia biên giới hiện nay rất đa dạng như quen biết trên mạng xã hội, tham gia các trang web tìm bạn, do đi buôn bán, làm thuê, đi chơi chợ tình cờ gặp gỡ, được bạn bè giới thiệu, thậm chí các cô gái bị bắt cóc thường đem bán, ép buộc làm vợ những người đàn

ông Trung Quốc tại các tỉnh rất xa biên giới,... Do đó, đối tượng bạn đời khác dân tộc ngày càng mở rộng. Trong khi truyền thống trước đây, đa số kết hôn xuyên biên giới là do mai mối giữa những người đồng tộc. Theo Trưởng thôn Choản Thèn, trong thôn hiện có 5 trường hợp hôn nhân với người nước ngoài không phải đồng tộc Hà Nhì. Trong đó: 01 trường hợp với nam giới người Hán ở Quảng Tây năm 2018 đã về Y Tý làm thủ tục đăng ký (họ đã kết hôn 3 năm trước đó đến khi đủ các điều kiện mới quay về đăng ký kết hôn để vợ con được hưởng các quyền lợi công dân tại Trung Quốc), còn các trường hợp khác không đăng ký kết hôn với chính quyền. Thực tế, chi phí đi lại, quy trình làm giấy tờ đăng ký kết hôn khá tốn kém và phức tạp, gia đình phải có điều kiện kinh tế mới hoàn thiện được các thủ tục này. Cán bộ tư pháp xã Y Tý cho biết, từ 2015 đến đầu năm 2021, chưa có cặp hôn nhân nào là người Hà Nhì ly hôn, kể cả những năm về trước hiện tượng ly hôn cũng hiếm khi xảy ra. Trường hợp hai vợ chồng muốn bỏ nhau, người Hà Nhì có phong tục làm lễ “đứt đoạn que”⁹ chứ không thích đưa ra chính quyền địa phương. Không ít cặp vợ chồng sau một thời gian chia tay nếu muốn quay lại với nhau thì vợ chồng sẽ phải dâng lễ vật xôi, gà, cơm, rượu để cúng xin tổ tiên.

Tiếp xúc với những người phụ nữ Hà Nhì có thể thấy, họ nhận thức được phong tục truyền thống của người Hà Nhì là rất khắc khe đối với phụ nữ¹⁰, bản tính của họ là chăm chỉ, chịu khó, nhẫn nại an phận với cuộc sống của mình. Tâm lý đó dẫn đến phụ nữ Hà Nhì ngại giao tiếp ra bên ngoài với các dân tộc khác, làm hạn chế khả năng làm chủ bản thân và vai trò quyết định trong gia đình và vị thế ngoài xã hội. Song, ở mặt khác cũng có những phụ nữ Hà Nhì mong được giải phóng bản thân, muốn vượt ra khỏi cuộc hôn nhân mà họ cho rằng do tập quán ràng buộc,... Thảo luận với cán bộ xã được biết rằng, từ khi dịch Covid-19 bùng phát, chính quyền địa phương hai nước Việt Nam, Trung Quốc kêu gọi và tạo những điều kiện tốt nhất để người Việt Nam đang lao động, sinh sống ở Trung Quốc được trở về. Đến đầu tháng 4/2021, thôn Choản Thèn vẫn còn 2 nam giới đang làm ăn sâu trong nội địa và 4 nữ giới chưa thể trở về quê. Theo công an xã Y Tý, trường hợp 4 phụ nữ này được xem là “bỏ đi khỏi địa phương” (đang ở độ tuổi 25 - 38), vì họ đã sang Trung Quốc từ 2 đến 7 năm, có gia đình cử người đi tìm nhưng không thấy, có người chủ động liên hệ về gia đình. Một số thông tin cho rằng, họ đã lấy chồng mới và sinh con đẻ cái nên không thể quay trở lại quê

⁹ Khi hai vợ chồng muốn chia tay, họ mời bố mẹ hai bên và anh em họ hàng đến, lấy một đoạn que dài khoảng 20cm bẻ làm đôi trước sự chứng kiến của mọi người, từ đây vợ chồng chính thức không còn tình cảm với nhau nữa. Nếu đã có con cái, vợ chồng cũng có thể tự thỏa thuận với nhau để ai dành được quyền nuôi con trong buổi diễn ra lễ “đứt đoạn que” này.

¹⁰ Con dâu không được nói chuyện, cười đùa với bố chồng, anh trai chồng, chú bác, khách khứa hoặc những người bề trên của chồng là nam giới. Khi ăn cơm con dâu phải sắp một mâm riêng ngồi bệt ở dưới đất để ăn một mình hoặc cùng những người phụ nữ khác trong gia đình chồng. Họ cũng luôn phải chú ý để thức ăn bên mâm những người nam giới phải đầy đủ hơn so với mâm cơm của mình,... Con dâu tuyệt đối không ngồi, nằm lên giường của bố chồng, khi tình cờ đối mặt phải cúi thấp người xuống để tỏ sự tôn trọng. Phụ nữ bị cấm kỵ việc đứng gần bàn thờ tổ tiên, không tham gia các nghi lễ cúng, giỗ của gia đình và lễ hội của thôn bản mà chỉ được phục vụ, chuẩn bị các công việc bên ngoài.

nhà. Khi rời khỏi địa phương, họ không khai báo nên chính quyền không thể thống kê vào trường hợp là lao động hay kết hôn xuyên biên giới. Ngoài ra, cũng có một số phụ nữ khác từng qua biên giới lấy chồng Trung Quốc và hiện nay đã trở về địa phương. Khi được hỏi, người Hà Nhì ở Choản Thèn cho rằng, phụ nữ được đánh giá cao hơn nam giới về sự chăm chỉ, chịu khó và là lao động chính trong gia đình; do đó nam giới Trung Quốc bắt kể người Hà Nhì, người Hán hay dân tộc khác sống gần biên giới Trung Quốc rất thích lấy vợ Hà Nhì ở Việt Nam. Ông Sần Xe Lúy (sinh năm 1960) có con dâu bỏ sang Trung Quốc đã 2 năm, con trai ông một mình nuôi 3 con nhỏ (3 tuổi, 6 tuổi và con lớn nhất 9 tuổi bị tật bẩm sinh). Ông cho rằng, những gia đình thiếu vắng phụ nữ như gia đình ông hiện nay thì kinh tế khó khăn hơn rất nhiều so với các hộ gia đình khác. Trong khoảng 10 năm, kể từ khi con trai ông lập gia đình, con dâu vẫn làm mọi việc nhà và ruộng nương, giờ đây con trai ông phải một mình chắt vạt, vừa làm kinh tế, vừa chăm sóc cha già và con nhỏ.

Quan hệ hôn nhân của người Hà Nhì rất tôn trọng sự chung thủy, vợ chồng có sự đồng lòng trong xây dựng gia đình hạnh phúc, chăm lo con cái, có ý thức giữ gìn phong tục tập quán hôn nhân của tộc người. Song, với sự biến đổi của xã hội, đồng bào cũng đã tiếp cận với truyền thông dưới nhiều hình thức từ truyền hình, loa đài phát thanh đến mạng xã hội, qua đó nhiều phụ nữ mong muốn có một cuộc sống mà ở đó con người được giải phóng hơn, không bị ràng buộc bởi tập quán cũ, hay thậm chí muốn “đổi đời”. Bên cạnh một vài phụ nữ đã bỏ sang Trung Quốc lập gia đình, cũng có những cô gái trẻ chưa chồng bị dụ dỗ, lừa bán lấy chồng Trung Quốc¹¹, họ bị lừa gạt cũng xuất phát từ việc tin vào một cơ hội tốt hơn cho cuộc sống. Vốn dĩ việc đi lại biên giới Việt - Trung trước khi có dịch Covid-19 xảy ra khá dễ dàng, việc trao đổi gặp gỡ với những người đồng tộc và khác tộc tại Trung Quốc thường xuyên hơn, do đó khi được níu kéo ở lại, một số phụ nữ Hà Nhì muốn thay đổi cuộc sống hiện tại và quyết định ở lại Trung Quốc.

4. Quan hệ họ hàng - thân tộc xuyên biên giới

Theo phong tục người Hà Nhì, quan hệ họ hàng, dòng tộc thể hiện rõ qua cách thức đặt tên “phụ tử liên danh”, đây là cách hữu hiệu để biểu đạt được giá trị truyền thống của mỗi gia đình, mỗi dòng họ Hà Nhì. Cách ghi nhớ bằng truyền miệng này thay thế cho phương pháp ghi chép gia phả của các dân tộc có chữ viết. “Phụ tử liên danh” không chỉ khẳng định về huyết thống gia đình mà dựa vào đó làm sợi dây kết nối những người trong cùng một dòng họ, chi họ với nhau, dù có lưu lạc xa xôi, nhưng khi biết tên họ cũng có thể nhận ra anh em, họ hàng. Tại Choản Thèn hiện nay còn tồn tại các họ: Ly, Sần, Chu, Phu, Phó, Phà, Sò.

¹¹ Phỏng vấn chị Có Mờ Be (sinh năm 1998) cho biết: bạn thân của chị là Vũ Thó Du cũng sinh năm 1998 bị lừa bán lấy chồng Trung Quốc lớn hơn 10 tuổi vào năm 2017, hiện nay đã có 1 con. Năm 2019, người chồng cho phép cô trở về thăm bố mẹ nhưng không được mang con theo, cô không dám bỏ con nên đã quay trở lại Trung Quốc sau một thời gian thăm nhà, đến nay cũng chưa trở lại Việt Nam lần nào. Chị gái của Có Mờ Be là Có Mờ Chờ (sinh năm 1996) cũng bị lừa lấy chồng là người Hán bên Trung Quốc, sau 6 năm cô chị mới được trở về thăm nhà, khi đó đã có 2 con. Có lần cô trốn về, nhưng bị nhà chồng bắt được, không muốn bỏ lại con nên không tự trốn về thêm lần nào nữa. Đến nay có thể hỏi thăm cha mẹ đẻ qua điện thoại.

Trong đó, họ Ly có 3 nhánh, họ Sần có 2 nhánh. Do khác biệt về nhánh nên cùng họ vẫn có thể kết hôn với nhau. Đa số các gia đình Hà Nhì ở đây đều có họ hàng ở bên Trung Quốc, và có ba nghi lễ không thể thiếu sự góp mặt của đông đảo anh em, họ hàng là: đám ma, đám cưới và tảo mộ. Người Hà Nhì rất trọng lễ nghĩa, nên khi trong dòng họ có việc thường không quản ngại đường xa để đến góp mặt. Trước đây, việc quản lý cửa khẩu chưa thật chặt, người Hà Nhì qua lại biên giới thăm thân rất thuận lợi, không chỉ những lúc dòng họ có việc lớn mà có thể gặp nhau để mừng năm mới, khi ốm đau, hoặc các mối quan tâm khác. Anh em họ hàng người Hà Nhì bên kia biên giới thường giúp đỡ người Hà Nhì ở Choản Thên trong việc giới thiệu các công việc làm thuê tại khu vực biên giới Trung Quốc. Người dân cho rằng, được sự giới thiệu của họ hàng sẽ yên tâm hơn rất nhiều, cảm thấy an toàn và không lo bị quỵt tiền công, vì vậy quan hệ này cũng đem lại cho họ những đầu mối làm việc thường xuyên.

Dần về sau, chính phủ hai nước quản chặt đường biên giới, việc thăm thân giữa công dân hai nước ít được tự do hơn trước. Họ vẫn có thể đi lại khi được cấp giấy thông hành, song họ hàng thường chỉ gặp gỡ nhau chủ yếu trong các dịp quan trọng của dòng họ. Trước khi dịch Covid-19 bùng phát, đồng tộc Hà Nhì bên Trung Quốc thường sang Choản Thên vào các dịp đám ma, đám cưới, tảo mộ nếu có lời mời của gia chủ, theo tục lệ họ mang theo gạo, rượu, gà để cúng lễ. Người Hà Nhì ở Việt Nam thường sang Trung Quốc thăm viếng họ hàng nhiều hơn so với người đồng tộc Trung Quốc sang Việt Nam. Lý do là người Hà Nhì Việt Nam hay sang Trung Quốc làm thuê, buôn bán trao đổi hàng hóa nên có thể kết hợp viếng thăm họ hàng thường xuyên hơn. Qua phỏng vấn cho thấy, quan hệ dòng họ xuyên biên giới của người Hà Nhì hiện nay không có sự tương trợ nhau đáng kể đối với một số hoạt động như vay vốn sản xuất, hợp tác kinh doanh, giúp đỡ lao động hay mua bán trao đổi; trong khi cùng những lĩnh vực đó, gia đình, họ hàng ở nội biên Việt Nam vẫn có những tương trợ khá thường xuyên. Thực tế, điều kiện kinh tế của người Hà Nhì bên kia biên giới không khác nhiều so với người Hà Nhì ở Y Tý, địa hình nơi cư trú cũng hiểm trở, đường sá đi lại khó khăn, mức sống cũng tương đồng như những người đồng tộc ở Việt Nam, nên việc trợ giúp về vốn và công sức lao động khó có thể diễn ra. Hơn nữa, việc thông hành được quản lý ngày càng chặt chẽ hơn cũng khiến những mối dây liên hệ xuyên biên giới về thân tộc phần nào mờ nhạt dần.

Cuối năm 2019, chính phủ hai nước Việt Nam, Trung Quốc thực hiện các biện pháp phòng chống, kiểm soát dịch bệnh Covid-19, do đó ở các khu vực biên giới tiếp tục đóng các cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính và cửa khẩu phụ đối với hoạt động xuất nhập cảnh phổ thông để hạn chế tình hình lây lan của dịch Covid-19. Đến nay đã gần 2 năm, không chỉ việc làm thuê xuyên biên giới của người Hà Nhì không thể diễn ra, mà anh em họ hàng đồng tộc cũng không đi lại thăm hỏi, tham gia cùng nhau trong các công việc chung của dòng họ. Theo đồng bào, do công nghệ thông tin phát triển nên họ vẫn có thể qua điện thoại hỏi thăm

nhau, đặc biệt là những người trẻ vẫn biết các thông tin của họ hàng qua Zalo, Facebook, Wechat, Weibo (hay Sina Weibo),... Song, qua trả lời phỏng vấn của người dân thì thấy rằng, việc ngày càng hạn chế sự qua lại, tương tác trực tiếp khiến mối quan hệ đồng tộc xuyên biên giới có xu hướng không còn đậm nét như trước. Do chỉ có thể gặp gỡ qua điện thoại hay mạng xã hội, nên không để lại những dấu ấn tình cảm sâu đậm như cùng nhau tham gia các nghi lễ cộng đồng của gia đình, dòng họ tộc người, trong khi các mối quan hệ xã hội xuyên biên giới khác mới xuất hiện qua mạng xã hội có xu hướng gia tăng, quan hệ bạn bè và làm ăn, môi giới, hợp tác phát triển du lịch, văn hóa... lại có xu hướng phát triển.

Kết luận

Có thể khẳng định, các mối QHXBG của người Hà Nhì ở xã Y Tý, huyện Bát Xát diễn ra khá thường xuyên. Về xu hướng trong tương lai, những mối quan hệ đó vẫn được đồng bào mong muốn gìn giữ. Sự kết nối này là một trong những yếu tố tô đậm thêm mối hòa hảo, hữu nghị với đất nước láng giềng. Qua nghiên cứu về người Hà Nhì đặt trong mối QHXBG với việc nhấn mạnh vào các khía cạnh quan hệ kinh tế, quan hệ hôn nhân và họ hàng thân tộc cho thấy, các vấn đề xuyên biên giới này luôn biến đổi theo sự vận động của xã hội, trong đó một tác nhân từ trước đến nay ít gặp phải và ít được các nhà nghiên cứu đề cập đến - đó là dịch bệnh như hiện tượng Covid-19 đang xảy ra trên toàn cầu. Các mối QHXBG không chỉ giải quyết nhu cầu kinh tế, thu nhập, việc làm mà nhu cầu tình cảm và nhu cầu quan hệ dân tộc cũng chiếm vai trò không nhỏ đối với cư dân hai nước.

Sự biến đổi của tình hình trong nước cũng như khu vực đã ảnh hưởng đến mối quan hệ dân tộc ở vùng biên giới, trong đó những điểm kết nối các mối quan hệ để tạo nên tương tác giữa cư dân hai nước thuộc cùng một dân tộc lại đang có sự hạn chế nhất định. Trước bối cảnh đó, mặc dù các DTTS vùng biên giới cơ bản vẫn giữ được bản chất dựa trên bản sắc văn hóa của họ, nhưng các mối liên hệ xung quanh luôn thay đổi về nội dung, văn từng giờ từng phút nảy sinh những yếu tố mới, dù là cá nhân hay mỗi dân tộc đều có sự kết hợp hữu cơ giữa ý thức công dân và ý thức tộc người. Vì vậy, vai trò của Nhà nước đối với việc đề ra các chính sách đúng đắn, phù hợp có ý nghĩa rất quan trọng trong thời kỳ hội nhập quốc tế. Phải đổi mới nội dung và giải pháp truyền thông, đặc biệt là nâng cao hiểu biết của đồng bào DTTS về các văn bản luật, cùng các kiến thức, kỹ năng về quan hệ xã hội, kinh tế, văn hóa, chính trị,... Thông qua đó, vừa nâng tầm việc tương tác của quan hệ dân tộc xuyên biên giới, giảm thiểu các rủi ro, phát huy thế mạnh, khai thác phát triển những dự án có lợi cho địa phương, đất nước, vừa xây dựng mối quan hệ hữu hảo với nước bạn.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Dân tộc tỉnh Lào Cai (2020), *Bộ dữ liệu về các dân tộc thiểu số tỉnh Lào Cai* (tính đến 31/12/2020).

2. Đặng Thị Hoa và cộng sự (2015), *Hôn nhân xuyên biên giới với phát triển xã hội ở các tỉnh miền núi nước ta hiện nay*, Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu đề tài cấp Quốc gia thuộc Chương trình KX02-11-15, Bộ Khoa học và Công nghệ.
3. Đặng Thị Hoa (2016), “Một số vấn đề về hôn nhân xuyên biên giới với phát triển xã hội ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Thông tin Khoa học xã hội*, Số 10, tr. 18-25.
4. Nguyễn Văn Huy (1985), *Văn hóa và nếp sống các dân tộc nhóm ngôn ngữ Hà Nhì - Lô Lô*, Nxb. Văn hóa, Hà Nội
5. Dương Lục Kim (2002), *Dân tộc Hà Nhì ở vùng núi Tây Bắc Việt Nam - Nghiên cứu dân tộc bán đảo Vân Nam với Trung Nam*, Nxb. Viễn Phương.
6. Dương Lục Kim (2007), “Lịch sử người Hà Nhì ở Việt Nam”, *Tạp chí nghiên cứu Hà Nhì học*, Vân Nam.
7. Dương Lục Kim, Hứa Mẫn (2008), “Nghiên cứu nguồn gốc dân tộc Hà Nhì ở Việt Nam”, *Báo cáo Viện Khoa học xã hội Vân Nam*, Kỳ số 6/2008.
8. Trịnh Thị Lan (2017), *Nghi lễ của người Hà Nhì ở huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai hiện nay*, Nxb. Mỹ thuật, Hà Nội.
9. Nguyễn Thị Lành (2016), *Đám cưới của người Hà Nhì Đen ở huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai*, Nxb. Mỹ thuật, Hà Nội.
10. Chu Thùy Liên (2004), *Tìm hiểu văn hóa dân tộc Hà Nhì ở Việt Nam*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
11. Dương Tuấn Nghĩa (2011), *Tri thức dân gian và nghi lễ truyền thống trong sản xuất nông nghiệp của người Hà Nhì Đen*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
12. Dương Tuấn Nghĩa (2014), *Nghi lễ tang ma của người Hà Nhì ở Lào Cai*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
13. Lý Hành Sơn (2003), “Vài nét về thế giới dân gian của người Hà Nhì”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 6, tr. 32-38.
14. Mai Thanh Sơn (2001), “Nhà cửa của người Hà Nhì Đen ở Bát Xát”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 4, tr. 37-43.
15. Trần Hữu Sơn (1997), *Văn hóa dân gian Lào Cai*, Nxb. Văn hóa dân tộc.
16. Vương Xuân Tình (Chủ nhiệm, 2011), *Một số vấn đề cơ bản về dân tộc dưới tác động của sự phát triển vùng biên giới Việt - Trung*, Báo cáo tổng hợp đề tài cấp Bộ, Viện Dân tộc học.
17. Nguyễn Ngọc Thanh (2007), “Một số đặc điểm về thiết chế làng bản của người Hà Nhì ở miền núi phía Bắc Việt Nam”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 2, tr. 15-26.

18. Hoàng Quang Thành (2007), “Dị đồng văn hóa và sự tác động qua lại của một tộc người sống ở biên giới”, trong: *Những công trình nghiên cứu dân tộc học ở Vân Nam*, Viện Văn hóa thông tin - Tạp chí Văn hóa nghệ thuật, Hà Nội.

19. Nông Trung (1973), “Vài nét về sinh hoạt văn hóa và văn hóa vật chất của dân tộc nhóm ngôn ngữ Tạng-Miến”, *Thông báo Dân tộc học*, Số 2.

20. Ủy ban Nhân dân xã Y Tý (2020), *Báo cáo Tổng kết tình hình kinh tế xã hội năm 2020 và phương hướng công tác nhiệm vụ năm 2021*.



Tiết mục “Múa giỏ” của nhóm phụ nữ Hà Nhi biểu diễn văn nghệ truyền thống phục vụ khách lưu trú tại Nhà du lịch cộng đồng Choán Thèn, xã Y Tý, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai

Ảnh: Hoàng Phương Mai, chụp tháng 4/2021